

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2024
“Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Ngọc

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Duy N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn G, T, huyện V, thành phố Hải Phòng.

Nơi làm việc: Số E đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu E, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

(Anh N có mặt, chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Duy N trình bày:

Anh và chị Phạm Thị H kết h trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 12/01/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng

một tuần thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian tìm hiểu ngắn cả hai chưa hiểu hết về nhau, khi chung sống mỗi người có cách sống, quan điểm sống không hợp nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng trở lên căng thẳng. Từ tháng 01/2024, chị H đã về phường P, thị xã K sinh sống, vợ chồng mỗi người một nơi chấm dứt về mặt tình cảm. Nay anh N, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh N, chị H không có con chung. Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có. Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung.

Bị đơn chị Phạm Thị H trình bày: Về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống như anh N trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống, do anh N cho rằng không còn tình cảm, không hòa hợp được với con riêng của anh N dẫn đến anh N tự ý ly thân và không chung sống cùng với chị nữa. Nay, anh N xin ly hôn với chị, thì chị không đồng ý.

- Về con chung: Chị H xác định, chị và anh N không có con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N, chị H, cụ thể như sau:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H cư trú thì được UBND phường P cung cấp: Anh N, chị H không đăng ký kết hôn UBND phường P, về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N, chị H thì địa phương không rõ. Hiện chỉ có chị H sinh sống, làm ăn tại khu E, phường P, thị xã K. Nay anh N xin ly hôn chị H, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Mạnh C (*bố đẻ của anh N*) trình bày:

Sau khi anh N và chị H về chung sống cùng anh N tại gia đình ông ở V, thành phố Hải Phòng được gần một tuần thì chị H về phường P, thị xã K sinh sống, từ đó không quay lại gia đình ông nữa. Nguyên nhân ông được biết giữa anh N, chị H xảy ra mâu thuẫn, một phần do cả hai có thời gian tìm hiểu không kỹ, một phần do bất đồng về quan điểm sống. Gia đình ông đã động viên, khuyên giải nhưng cả hai không hòa giải được. Nay anh N xin ly hôn với chị H thì tùy quyết định của đôi bên, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị H.

- Bị đơn chị H đã được Toà án tổng đạt giấy triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã được triệu tập đến Tòa án, nguyên đơn có mặt là đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã thu thập xác định giữa anh N, chị H đã xảy ra mâu thuẫn. Thực tế về quan hệ vợ chồng giữa anh N, chị H mỗi người một nơi, không còn sự quan tâm giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H vắng mặt, thể hiện ý thức bỏ mặc, không mong muốn được đoàn tụ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh N, xử cho anh N được ly hôn với chị H là phù hợp với thực tế về mâu thuẫn vợ chồng. Về nuôi dưỡng con chung: Không có. Tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn chị Phạm Thị H cư trú tại phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, HĐXX xét xử quyết định xử vắng mặt chị H là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh N, chị Hòa kết h trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 12/01/2024 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy về thời gian anh N, chị H mâu thuẫn, mỗi người một nơi chám dứt về quan hệ tình cảm là phù hợp với kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng anh N, chị H đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, đôi bên không còn sự quan tâm,

thương yêu và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H vắng mặt không có lý do, thể hiện ý thức bỏ mặc, không mong muốn được đoàn tụ. Tại phiên tòa anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị H, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh N, xử cho anh N được ly hôn chị H là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh N, chị H đều xác định vợ chồng không có con chung.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh N, chị H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, vay nợ chung. Anh N, chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ:** khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Căn cứ:** điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Đặng Duy N được ly hôn với chị Phạm Thị H.

- *Về con chung:* Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung:* Anh N, chị H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, vay nợ chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

2. Về án phí: Anh Đặng Duy N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002302 ngày 22/02/2024. Anh N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thị xã Kinh Môn;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận ĐKKH số 06 ngày 12/01/2024);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh